TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày: 13 – 9 – 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG

TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đông xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Rung K'Nhơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cil Pam Ha Lan
Ông Đặng Văn Quang

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Hồng Chiến Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng*** *tham gia phiên tòa:* Ông K'Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án nhân dân huyện Đam Rông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:10/2018/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn C**.Sinh năm: 1980. Tại: Phú Thọ.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ Sêrêpôk; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn L và bà Kiều Thị N; vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cứ trú.

'Có mặt"

-Người có nghĩa vụ liên quan:

Ông: **Phạm Văn T** ; Sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn 4, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

"Có mặt"

Bà **Nguyễn Thị P**;

Trú tại Thôn 4, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

"Vắng mặt"

-Người làm chứng:

Ông: **Nguyễn Đức D**; Sinh năm: 1985

Trú tai: Thôn 4, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
"Có mặt"
Ông: **Rơ Ông Ha K**; Sinh năm: 1982
Trú tại: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
"Có mặt"
Ông: **Dương Mạc T**; Sinh năm: 1974
Trú tại: Thôn 1, xã L , huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
"Có mặt"
Ông: **Dương Trọng H**; Sinh năm: 1987
Trú tại: Thôn 1, xã L , huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
"Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 07/3/2017 Nguyễn Văn C là Trạm trưởng Trạm quản lý và bảo vệ rừng R chỉ đạo 03 cán bộ gồm: Rơ Ông Ha K, Dương Mạc T, Dương Trọng H là cấp dưới của Cộng đi tuần tra tiểu khu 189 và tiểu khu 190,đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì 03 cán bộ này phát hiện và bắt quả tang Phạm Văn T trú tại Thôn 4, xã R, huyện Đ đang có hành vi phá rừng tại khoảnh 13, tiểu khu 189. Khi về đến Trạm ông Ha K đã báo cáo sự việc cho Nguyễn Văn C và xin ý kiến lập biên bản đối với Phạm Văn T. Sau khi Ha K báo cáo thì Cộng chỉ đạo là "để từ từ rồi lập biên bản sau", sau đó cho T về nhà và hẹn đầu giờ chiều lên làm việc. Đến 14 giờ 00 phút, cùng ngày T tiếp tục lên Trạm để làm việc, ông Ha K đã yêu cầu Phạm Văn T viết bản tường trình và tiếp tục xin ý kiến chỉ đạo lập biên bản đối với hành vi phá rừng đối với Phạm Văn T nhưng C vẫn chỉ đạo từ từ rồi lập. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày Nguyễn Đức D là anh vợ của Tuân gọi điện cho Cộng nói với Cộng là Phạm Văn T là em rể và nhờ C giúp đỡ, xử lý nhẹ tay. Sau khi nghe điện thoại của D, C đã gọi điện cho chị Lâm Thị N là người ở cùng thôn với Phạm Văn Tđể xác minh hoàn cảnh của T cũng như việc T có phải là em rể của D hay không. Đồng thời Cộng cũng nhờ chị N nhắn lại với vợ chồng T liên hệ trực tiếp với C để được xem xét, giải quyết. Sau đó chị N gọi điện cho vợ của T là Nguyễn Thị P và nói cho Phượng biết về việc C có gọi điện thoại cho mình, đồng thời cho chị P số điện thoại của Cộng để chị P tự liên hệ. Sau khi có số điện thoại của C thì khoảng 16 giờ ngày 07/3/2017 chị P gọi điện cho C để hỏi về việc vi phạm của chồng mình và nhờ C giúp đỡ. Cộng hẹn đến sáng ngày hôm sau sẽ đến nhà chị P làm việc. Về phía Phạm Văn T, sau khi viết bản tường trình thì đã được cho về nhà. Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 08/3/2017, Nguyễn Văn C đã đến nhà Phạm Văn T ở Thôn 4, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng như đã hẹn trước. Tại nhà

Tuân thì Tcó đặt vấn đề nhờ C giúp đỡ. Cộng đồng ý và nói nếu chỗ khác thì lấy 10.000.000đ, nhưng thấy vợ chồng T khó khăn nên chỉ lấy 8.000.000đ. Vợ chồng Phạm Văn T đã đưa cho C số tiền là 2.000.000, số tiền còn lại hẹn khi nào xong việc sẽ đưa. Sau khi nhận tiền thì cộng đi về Trạm quản lý bảo vệ rừng ở xã R và cất tiền vào tủ. Sau đó chỉ đạo ông Ha Klập biên bản về hành vi lấn chiếm đất lâm nghiệp đối với Phạm Văn T và chuyển hồ sơ về Ban quản lý rừng phòng hộ Sêrêpôk để chuyển cho Ủy ban nhân dân xã R xử lý hành chính. Đến ngày 15/03/2017 vụ việc hủy hoại rừng của Phạm Văn T đã được các cơ quan chức năng tổ chức khám nghiệm hiện trường và xử lý theo pháp luật. Thấy vậy, C đã mang số tiền 2.000.000đ trả lại cho vợ chồng T. Ngày 12/05/2017 Phạm Văn T và Nguyễn Thị P đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đam Rông để trình báo về vụ việc.

Qua trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đam Rông đã xác định số tiền 2.000.000đ sau khi được Nguyễn Văn C trả lại thì vợ chồng T đã sử dụng hết vào việc chữa bệnh cho con.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSĐR ngày 24/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, để xét xử Nguyễn Văn C về tội: "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông đã truy tố, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo thì thấy rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã có đủ căn cứ để truy tố về hành vi phạm tội: "Nhận hối lộ" vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với Nguyễn Văn C về tội: "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s, v khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng: Đối với 2.000.000 Phạm Văn T và Nguyễn Thị P đưa cho C nhưng C đã trả lại cho vợ chồng T nên không đề cập xem xét.

Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sợ đã thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng:

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố bị cáo, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đam Rông, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp pháp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về yếu tố cấu thành tội phạm:

Theo lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, thì với chức vụ là Trạm trưởng Trạm quản lý và bảo vệ rừng R, ngày 07/3/2017 bị cáo đã chỉ đạo cho cấp dưới của mình gồm Rơ Ông Ha K, Dương Mạc T, Dương Trọng Hđi tuần tra tại tiểu khu 189 và tiểu khu 190 đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày thì phát hiện đối tượng Phạm Văn T có hành vi phá rừng tại khoảnh 13 tiểu khu 189. Sau đó Ha K, Dương Mạc T và Dương Trọng H có báo cáo lại với bị cáo và xin ý kiến chỉ đạo về việc lập biên bản đối với hành vi phá rừng của Phạm Văn T. Nhưng do có sự quen biết với ông D, đồng thời do vợ chồng ông T, bà P có hứa hẹn và đưa cho bị cáo 2.000.000đ, nên bị cáo đã chỉ đạo ông Ha K là cấp dưới của mình lập biên bản về hành vi lấn chiếm đất lâm nghiệp đối với Phạm Văn T. Tuy nhiên sau khi lập biên bản thấy sự việc ngoài khả năng giúp đỡ của mình, nên bị cáo mang 2.000.000đ trả lại cho bà P là vợ ông T. Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Văn C tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người liên quan và người làm chứng, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội : "Nhận hối lộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo được thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, làm cho cơ quan nhà nước, tổ chức xã

hội bị suy yếu, mất lòng tin với nhân dân. Bị cáo là người được Ban quản lý rừng phòng hộ Sêrêpók bổ nhiệm làm trạm trưởng trạm quản lý bảo vệ rừng xã R, với nhiệm vụ là tuần tra, xử lý những hành vi hủy hoại rừng, khai thác lâm sản trái phép … Nhưng chỉ mục đích tư lợi cá nhân mà bị cáo đã chỉ đạo cấp dưới lập biên bản không đúng với thực chất của sự việc. Tuy nhiên sau khi nhận 2.000.000đ tiền hối lộ, bị cáo đã mang tiền trả lại cho người đưa là chị P. Như vậy tuy hậu quả có xảy ra, nhưng thiệt hại không đáng kể. Đồng thời sau khi người đưa hối lộ tố cáo, bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi việc làm của mình, tích cực cùng cơ quan điều tra xử lý hành vi hủy hoại rừng của Phạm Văn T. Ngoài ra trong quá trình công tác bị cáo Cộng đã có nhiều cống hiến trong việc quản lý và bảo vệ rừng; Bị cáo được UBND cấp có thẩm quyền tặng thưởng nhiều giấy khen về thành tích tiêu biểu trong công tác quản lý bảo vệ rừng, đạt danh hiệu lao động tiên tiến đối với việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Nguyễn Văn C hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1 điều 51, Điều 54 như đề nghị của Viện kiểm sát.

Trong vụ án này còn có người liên quan là Phạm Văn T, Nguyễn Thị P đã có hành vi đưa hối lộ cho bị cáo Nguyễn Văn C, nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, hơn nữa Phạm Văn T đã bị xử lý về hành vi hủy hoại rừng với mức án 12 tháng tháng tù, nên không cần thiết phải truy tố về phạm Văn T, Nguyễn Thị P tội Đưa hối lộ theo quy định tại Điều 364 Bộ luật hình sự là có cơ sở. Đối với Nguyễn Đức D là anh trai của Nguyễn Thị P đã có hành vi gọi điện cho bị cáo Nguyễn Văn C nhờ giúp đỡ nhưng không đề cập đến vấn đề vật chất hay lợi ích phi vật chất nên không đủ cơ sở để xử lý hình sự về hành vi Môi giới hối lộ theo quy định tại Điều 365 Bộ luật hình sự.

[4] **Về vật chứng**: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã xác định 2.000.000 đồng là số tiền Phạm Văn T, Nguyễn Thị P đưa cho bị cáo Nguyễn Văn C, đây là khoản tiền đưa hối lộ; nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tịch thu sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã ra quyết định trả cho người liên quan là Phạm Văn T, Nguyễn Thị P, nên cần buộc ông T, bà P phải nộp lại khoản tiền này để sung quỹ nhà nước.

[5] **Về án phí**: Áp dụng Khoản 2, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "*Nhận hối lộ*".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s,v Khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án (13/9/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho UBND xã Đ, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương để theo dõi giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật hình sự năm 2015. Buộc Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị P phải nộp lại số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/9/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phác thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H. Đam Rông;
- Các Bị cáo; Người bị hại;
- Người bào chữa;
- Chi cục THA H. Đam Rông;
- UBND xã Đạ Rsal;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Hoàng Rung K'Nhơn